

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 02- 2023

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 11/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim A**, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh N1**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A trình bày và yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Nguyễn Anh N1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, khi đó cả hai cùng làm nghề tự do. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng nhà với gia đình chồng tại thôn N, xã P,

thành phố T, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, thường hay bất đồng quan điểm, anh N1 không quan tâm gia đình có quan hệ yêu đương người phụ nữ khác về nhà thường kiểm chuyện chửi bới, xúc phạm vợ con, đập phá đồ đạc dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, tháng 10/2020 chị đã phải đưa con về nhà mẹ đẻ ở khoảng 06 tháng và làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhưng sau đó anh N1 xin lỗi hứa sẽ thay đổi và được gia đình hai bên khuyên giải nghỉ 02 con nhỏ nên chị đã chấp nhận quay về chung sống. Tuy nhiên chỉ được thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp diễn, anh N1 đã bỏ nhà ra xường may ở mấy tháng không quan tâm đến gia đình, vợ con đến khi mẹ chồng ốm anh N1 mới về nhà nhưng khi sống chung mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng, từ tháng 7/2022 tuy ở cùng nhà nhưng vợ chồng sống ly thân. Do mâu thuẫn vợ chồng không tự dàn xếp được, từ tháng 11/2022 chị A đã đưa 02 con về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh N1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đỗ Vân K, sinh ngày 02/6/2015 và Nguyễn Đỗ Tuệ N2, sinh ngày 30/3/2017, hiện 02 con do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Chị làm nghề buôn bán tự do thu nhập trung bình 12 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản: Quá trình chung sống đến nay chị và anh N1 không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại văn bản tự khai ngày 23/11/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Anh N1 trình bày: Về thời gian, thủ tục đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn như cô A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 04/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cô A nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên ghen tuông dẫn tới vợ chồng xảy ra va chạm cãi vã, bất đồng quan điểm mâu thuẫn kéo dài, hai bên không tự dàn xếp được với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Vào tháng 6/2020 chị A đã đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh đã đến tìm nói chuyện đến tháng 3/2021 quay lại chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và ngày càng căng thẳng hơn, vợ chồng không quan hệ tình cảm sinh lý với nhau nữa. Kể từ ngày 18/11/2022 cô A đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, nay cô A xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đỗ Vân K, sinh ngày 02/6/2015 và Nguyễn Đỗ Tuệ N2, sinh ngày 30/3/2017, hiện 02 con đang ở cùng mẹ như cô A trình bày là đúng. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi 02 con,

không yêu cầu cô A đóng góp nuôi con, nếu cô A không chấp nhận thì anh nuôi con thứ hai là Nguyễn Đỗ Tuệ N2. Hiện anh làm doanh nghiệp tư nhân sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, thu nhập trung bình 20 triệu/01 tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1973, trú tại thôn L, xã M, huyện V (là mẹ đẻ chị Phạm Thị Kim A) trình bày:* Ngày 16/3/2014, chị A, anh N1 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại UBND xã P, thành phố T. Sau khi cưới, vợ chồng về sinh sống tại gia đình chồng, làm nghề tự do đến tháng 10/2014, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn xảy ra đánh chửi nhau tại chợ T1, huyện V. Nguyên nhân mâu thuẫn: A cho rằng anh N1 có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ngày càng căng thẳng, vào tháng 12/2020 chị A đưa 02 con về gia đình bà ở khoảng 06 tháng, anh N1 cùng mẹ đẻ đến gia đình bà nói chuyện, Ngọc hứa sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ đón mẹ con về nhà ở. Sau khi về chung sống đến tháng 12/2021 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh N1 tự bỏ ra chỗ làm ở khoảng 06 tháng. Đến tháng 11/2022, chị A đưa 02 con về gia đình bà ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không hỏi han, quan tâm đến nhau nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và nguyện vọng các bên. Vợ chồng có 02 con chung, hiện các cháu đang ở cùng mẹ tại nhà bà, chị A có nguyện vọng nuôi 02 con. Hiện tại các cháu còn nhỏ là con gái, đang sống với mẹ ổn định, điều kiện gia đình nhà ở rộng rãi, bố mẹ có điều kiện thuận lợi để hỗ trợ chăm sóc các cháu. Đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của chị A và các cháu để giải quyết nuôi con theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay nợ chung gì.

** Tại biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị N4, sinh năm 1958, trú tại thôn N, xã P, thành phố T (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Anh N1) trình bày:* Ngày 16/3/2014, anh N1 và chị A tổ chức đám cưới, đến ngày 30/10/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi cưới vợ chồng về ở cùng nhà gia đình bà làm nghề tự do. Tháng 4/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh N1 nhắn tin tình cảm trên điện thoại với cô kế toán làm ở xưởng may của N1. Tháng 12/2020, chị A đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở được 06 tháng thì bà và anh N1 đến nói chuyện, N1 hứa sửa đổi và xin cho ba mẹ con về nhà ở, được gia đình 02 bên đồng ý nên chị A đồng ý về vợ chồng đoàn tụ. Tháng 10/2022, vợ chồng lại xảy ra va chạm bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không còn tin tưởng nhau nữa. Tháng 11/2022, chị A thu dọn tư trang cùng đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở, N1 cũng không tìm, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không hỏi han, quan tâm đến nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung như chị A, anh N1 trình bày là đúng, hiện các cháu ở cùng với

mẹ tại nhà ông bà ngoại, các cháu khỏe mạnh, sinh hoạt học hành ổn định. Anh N1 đi làm ở xưởng may từ sáng đến tối muộn mới về. Khi hai vợ chồng ly hôn, việc nuôi con do anh chị tự bàn bạc, giải quyết với nhau, anh N1 muốn mỗi người nuôi 01 con, trường hợp không thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Anh chị không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho ai vay tài sản gì.

** Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2023, ông Trần Cao Viên là trưởng thôn N, xã P, thành phố T cung cấp:* Chị A và anh N1 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thôn N, xã P, thành phố T. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không rõ. Do mâu thuẫn, chị A đã cùng 02 con bỏ về nhà đẻ ở và xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Vợ chồng có 02 con chung như các bên trình bày là đúng. Anh N1 hiện đang làm chủ xưởng may, nhà ở hiện nay chỉ có 02 mẹ con anh N1 sinh sống, nhà cửa rộng rãi. Về tài sản: Địa phương không rõ vợ chồng có tài sản gì chung.

** Biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của cháu Nguyễn Đỗ Vân K trình bày:* Hiện hai chị em đang ở với mẹ là chị Phạm Thị Kim A, được mẹ chăm sóc chu đáo, tạo điều kiện sinh hoạt ổn định, không có gì khó khăn. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim A và anh Nguyễn Anh N1.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao hai con chung là Nguyễn Đỗ Vân K, sinh ngày 02/6/2015 và Nguyễn Đỗ Tuệ N2, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Phạm Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Kim A không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị A, anh N1 không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã P, thành phố T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim A và anh Nguyễn Anh N1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T ngày 30/10/2015, tại thời điểm kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình chồng ở thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh T. Các đương sự thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng không tự dàn xếp được với nhau, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 11/2022 chị A đưa cả 02 con cùng về nhà bố mẹ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng đồng ý. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim A và anh Nguyễn Anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim A và anh Nguyễn Anh N1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị A và anh N1 có hai con chung là Nguyễn Đỗ Vân K, sinh ngày 02/6/2015 và Nguyễn Đỗ Tuệ N2, sinh ngày 30/3/2017, hiện 02 con do chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên không thỏa thuận được với nhau về nuôi con khi ly hôn. Cụ thể nguyện vọng chị A được trực tiếp nuôi cả 02 con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh N1 có nguyện vọng nuôi 02 con, nếu không anh xin được nuôi con thứ hai là Tuệ Nhi. Căn cứ lời khai cùng tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và Tòa án thu thập thể hiện các bên đều có điều kiện thuận lợi nhất định để nuôi con, song thực tế vì mâu thuẫn vợ chồng mà chị A đã đưa 02 con cùng về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T từ tháng 11/2022 đến nay, hiện các cháu Vân Khánh và Tuệ Nhi đang đi học tại trường tiểu học và trường Mầm Non thị trấn V, các cháu đều khỏe mạnh được mẹ nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo phát triển tốt, chị A có thu nhập, nơi ở và sinh hoạt ổn định cùng sự hỗ trợ tích cực của bố mẹ đẻ nên có điều kiện thuận lợi mọi mặt để nuôi con. Anh N1 làm doanh nghiệp nên thời gian chăm sóc cho con hạn chế hơn so với chị A. Mặt khác các con đều còn nhỏ tuổi lại gần bố, gần gũi với mẹ là chủ yếu, nguyện vọng của cháu Vân Khánh muốn ở cùng mẹ và em. Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn, tránh xáo trộn không cần thiết về môi trường sống, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, tình cảm và tinh thần của trẻ. Nghĩ chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn, giao cả hai con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản: Chị A và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim A tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim A và anh Nguyễn Anh N1.

2. Về con chung:

2.1. Xử giao cho chị Phạm Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đỗ Văn K, sinh ngày 02/6/2015 và Nguyễn Đỗ Tuệ N2, sinh ngày 30/3/2017.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Kim A không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim A nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001253 ngày 17/10/2022 thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A và bị đơn anh Nguyễn Anh N1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã P, thành phố T, tỉnh T).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn